

Số: **310** /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày **14** tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các nội dung đã trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh khoá IX

Thực hiện Thông báo số 444/TB-HĐND ngày 14/10/2019 của HĐND tỉnh về chuẩn bị nội dung trình Kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh khoá IX, trong đó có nội dung báo cáo kết quả thực hiện các nội dung đã trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh khoá IX. Tại Kỳ họp thứ 8, đã có 07 ý kiến chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh, trong đó có 01 ý kiến thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, 01 ý kiến thuộc lĩnh vực Nội vụ, 02 ý kiến thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 01 ý kiến thuộc lĩnh vực Khoa học Công nghệ, 02 ý kiến thuộc lĩnh vực khác (có 03 ý kiến đã được xem xét, giải quyết; 04 ý kiến tiếp tục triển khai thực hiện).

Các nội dung trên đã được đại diện lãnh đạo các sở, ngành liên quan trả lời tại Kỳ họp thứ 8; UBND tỉnh cập nhật, báo cáo kết quả thực hiện đến ngày 31/10/2019, cụ thể như sau:

I. Những nội dung đã được xem xét giải quyết:

1. Ý kiến chất vấn của đại biểu Buôn Krông Tuyết Nhung:

1.1. Cử tri được biết, hiện nay việc giải tỏa đền bù cho các hộ gia đình trong khu dự án Bảo tàng cà phê Trung Nguyên chưa được đền bù dứt dạt, có hộ gia đình chưa được đền bù, cử tri muốn biết lý do? Khi nào được giải quyết xong cho các hộ gia đình này? Đã có Đề án gì để phát triển nghề nghiệp hoặc giải quyết công ăn việc làm gì cho các gia đình sau việc đền bù, giải tỏa cho bà con.

Trả lời:

- Về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng: Ngày 13/01/2017, UBND thành phố Buôn Ma Thuột ban hành các Quyết định từ số 386 đến số 465/QĐ-UBND thu hồi đất của 80 hộ đồng bào dân tộc thiểu số với diện tích 19,2 ha. Cùng ngày, UBND thành phố đã có Quyết định số 466/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 80 hộ đồng bào dân tộc với số tiền bồi thường hỗ trợ là: 116.193.400.000 đồng. Các hộ có đất tại Dự án đã nhận tiền bồi thường và đến ngày 18/01/2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã bàn giao toàn bộ diện tích đất 19,2 ha cho chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án.

Sau khi UBND thành phố phê duyệt phương án và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ có đất bị thu hồi, có một số hộ dân có ý kiến thắc mắc về việc không được nhận tiền bồi thường hỗ trợ. UBND thành phố đã thành lập đoàn kiểm tra, xác minh và đã có kết luận giải quyết. Qua đó, có 01 hộ (bà H' Vinh Niê Kdăm) đủ điều kiện bồi thường, UBND thành phố đã bổ sung vào phương án bồi thường (thay cho hộ ông Y Jan không đủ điều kiện), còn lại 8 hộ (do bà H' Hên Niê đại diện) không phải là đối tượng được giao đất tại phường Tân An, không thuộc khu vực dự án Suối Xanh; do đó, không được bồi thường về đất.

Như vậy, đến thời điểm đại biểu chất vấn thì hầu hết các hộ đều đã được bồi thường, hỗ trợ theo đúng phương án được phê duyệt.

- *Về việc giải quyết việc làm sau khi thu hồi đất:* Trong quá trình lập phương án bồi thường, hỗ trợ UBND thành phố Buôn Ma Thuột đã tổ chức họp lấy ý kiến người dân về hình thức bồi thường. Các hộ dân đều đề nghị được nhận bồi thường bằng tiền để tạo quỹ đất sản xuất khác hoặc chuyển đổi nghề nghiệp. Qua theo dõi, hầu hết các hộ dân đều sử dụng tiền bồi thường, hỗ trợ đúng mục đích, có hiệu quả. Ngoài ra, UBND thành phố Buôn Ma Thuột đã triển khai thực hiện các đề án phát triển kinh tế xã hội ở 33 buôn trên địa bàn thành phố, các đề án đào tạo nghề, giải quyết việc làm, đến nay cuộc sống của các hộ có đất bị thu hồi đã ổn định. Như vậy, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án khu đô thị sinh thái, văn hóa cà phê Suối Xanh (giai đoạn I) đã được UBND thành phố Buôn Ma Thuột thực hiện xong, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Các trường hợp có ý kiến thắc mắc, khiếu nại chính đáng đã được xem xét, giải quyết; các trường hợp có thắc mắc, khiếu nại không có cơ sở đã được UBND thành phố kiểm tra xác minh và có văn bản trả lời để người dân biết.

1.2. Hiện nay tại các huyện, mỗi thôn buôn được giao cho 01 nhóm quản lý rừng (gồm 7-9 người), trong khi nhu cầu muốn tham gia nhiều hơn, hãy làm rõ thêm về tiêu chí lựa chọn này?

Trả lời:

Từ năm 1999 - 2011: Tiêu chí lựa chọn về giao rừng trước đây thực hiện theo Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn, làng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên, trong đó quy định về đối tượng được giao rừng và khoán quản lý bảo vệ rừng: (1) “*Những hộ đồng bào dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống tại xã có rừng, có nhu cầu được giao rừng và khoán bảo vệ rừng; trước hết ưu tiên đồng bào là người dân tộc thiểu số nghèo tại chỗ thuộc các đối tượng quy định tại các Quyết định số 132 và 134 của Thủ tướng Chính phủ*”. (2) “*Các cộng đồng dân cư là*

đồng bào dân tộc thiểu số sống trong buôn, làng có cùng phong tục tập quán, truyền thống và có nhu cầu được giao rừng, khoán bảo vệ rừng”.

Thực hiện Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đến năm 2011: UBND cấp huyện đã giao 11.159 ha tại địa bàn các huyện: Ea H'leo, Buôn Đôn, M'Drắk, Krông Ana, Ea Súp cho 1.101 hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, thực hiện Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp và Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020, theo đó, quy định đối tượng áp dụng: *“Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng dân tộc và miền núi theo tiêu chí Thủ tướng Chính phủ quy định, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng: Bảo vệ khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng”.* Thực hiện quy định nêu trên, từ năm 2001 - 2010, UBND cấp huyện đã giao diện tích rừng và đất lâm nghiệp tại địa bàn các huyện: Ea Kar, Krông Búk, Ea H'leo, Krông Bông, Lắk, Cư M'gar, Krông Ana cho 2.791 hộ với diện tích 26.135 ha.

Ngoài ra, UBND tỉnh còn thực hiện giao khoán bảo vệ rừng, phát triển rừng trong lưu vực Chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR), cụ thể: Căn cứ diện tích rừng đã được giao cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng, việc chi trả dịch vụ môi trường rừng được thực hiện từ năm 2014 đối với các diện tích rừng thuộc các lưu vực, kết quả thực hiện chi trả: (1) Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân: 02 xã (xã Đăk Nuê: 38 hộ và Đăk Phơi: 48 hộ) diện tích rừng cung ứng DVMTR thực tế: 606,73 ha; (2) Chủ rừng là cộng đồng, nhóm hộ: 47 cộng đồng, nhóm hộ diện tích rừng cung ứng DVMTR thực tế: 5.550,63 ha.

Hiện nay, UBND tỉnh đang rà soát lại diện tích rừng do UBND xã quản lý để giao các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu nhận rừng theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp. Về trình tự thủ tục giao đất, giao rừng được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định *“Trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất, cho thuê đất”* và các mẫu biểu đính kèm tại Phụ lục II Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Về hạn mức giao rừng tại điểm c Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định *“Hạn mức giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư phù hợp với hạn mức giao đất”* (Theo quy định tại Điều 129 Luật Đất đai 2013 về hạn mức giao đất nông nghiệp: *“Hạn mức giao đất cho mỗi hộ gia đình, cá*

nhân không quá 30 ha đối với mỗi loại đất: a) Đất rừng phòng hộ; b) Đất rừng sản xuất”).

Như vậy, theo các quy định nêu trên, không có giới hạn như đại biểu đề cập: “Mỗi thôn, buôn được giao chọn 01 nhóm quản lý rừng (gồm 7-9 người)”, mà tất cả người dân sống tại địa phương có nhu cầu được giao rừng, nhận khoán bảo vệ rừng quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp và chính sách theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ đều có thể nhận giao, khoán bảo vệ rừng, phát triển rừng theo trình tự quy định.

2. Ý kiến chất vấn của đại biểu Nguyễn Thiên Văn:

Huyện Ea Súp là huyện có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là huyện biên giới. Trên địa bàn huyện có 01 chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn và 01 phòng giao dịch của ngân hàng bưu điện. Thời gian gần đây, cử tri trên địa bàn các xã bức xúc, đại biểu HĐND phản đối quyết liệt tại kỳ họp HĐND huyện, lý do: Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Ea Súp không chấp nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vì tài sản gắn liền với đất do UBND cấp xã chứng thực: Ngân hàng yêu cầu người dân phải công chứng tại văn phòng công chứng Văn Đình Tùng mới được vay vốn. Mặc dù huyện đã có văn bản đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn nhưng khi trả lời cử tri và chất vấn của đại biểu HĐND huyện, lãnh đạo Agribank Ea Súp vẫn cho rằng Agribank được quyền tự quyết, yêu cầu khách hàng phải công chứng Hợp đồng tại Văn phòng công chứng mới được vay vốn. Xin chất vấn Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh, việc này theo giải thích của Agribank Ea Súp có đúng quy định và phù hợp với điều kiện của huyện Ea Súp hay không? Khắc phục vấn đề trên như thế nào?

Trả lời:

Ngày 12/7/2019, Ngân hàng nhà nước tỉnh có văn bản số 539/DAL-TH&KSNB về việc xác thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất gửi Văn phòng HĐND tỉnh, đại biểu Nguyễn Thiên Văn để báo cáo cụ thể; đồng thời yêu cầu Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Bắc Đăk Lăk chỉ đạo Chi nhánh huyện Ea Súp và các đơn vị trực thuộc hướng dẫn khách hàng vay vốn lựa chọn phương thức xác thực hợp đồng thế chấp tài sản phù hợp, đảm bảo an toàn, đúng quy định.

Triển khai thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Bắc Đăk Lăk đã nghiêm túc thực hiện việc giải thích, hướng dẫn khách hàng vay vốn chọn phương thức xác thực hợp đồng thế chấp tài sản phù hợp, đảm bảo an toàn, đúng quy định. Đến

ngày 01/10/2019, tại buổi tiếp xúc cử tri xã Ea Rvê, huyện Ea Súp trước kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá 14, không có ý kiến phản ánh nào liên quan đến việc xác thực hợp đồng thế chấp tài sản khi vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Bắc Đăk Lăk.

II. Những nội dung đang tiếp tục triển khai thực hiện:

1. Ý kiến chất vấn của đại biểu Buôn Krông Tuyết Nhung:

Ở các địa phương có nhiều hộ gia đình tự bỏ vốn ra trồng rừng, vậy đã có quy hoạch hoặc đề án gì có liên quan đến các hộ gia đình này? Nếu có khi nào được thực hiện, triển khai, quy trình thực hiện thế nào?

Trả lời:

Trong Đề án quy hoạch vùng rừng nguyên liệu, đã quy hoạch đối với những diện tích do người dân tự bỏ vốn đầu tư nhằm nâng cao giá trị rừng trồng. Các hộ dân tự bỏ vốn đầu tư trồng rừng được hưởng các chính sách hỗ trợ của nhà nước theo quy định như: (1) Chương trình phát triển 5 triệu ha rừng theo Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ. cụ thể, người dân (hộ gia đình, cá nhân tự bỏ vốn sản xuất) được nhà nước hỗ trợ 2 triệu đồng/ha đối với các loài cây có chu kỳ kinh doanh dài (Chương trình này đã kết thúc từ năm 2010); (2) Dự án phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên (Flitch) được dự án hỗ trợ cho người dân trồng rừng 500 USD/ha; sau khi thu hoạch sản phẩm người dân chi trả cho dự án là 150 USD/ha, tiền còn lại người dân được hưởng lợi và đầu tư tái tạo lại rừng (Dự án này đã kết thúc từ năm 2014).

Hiện nay, các hộ dân được hưởng các chính sách hỗ trợ của nhà nước theo các quy định, như:

- Chính sách hỗ trợ trồng rừng sản xuất theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 được quy định mức hỗ trợ 05 đến 10 triệu đồng/ha.

Điều kiện để được hỗ trợ theo chính sách này, các hộ dân phải có diện tích đất quy hoạch cho phát triển rừng phòng hộ và rừng sản xuất, thuộc đối tượng khoan nuôi xúc tiến tái sinh đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ; hoặc hộ gia đình nghèo tham gia trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ thay thế nương rẫy trên diện tích đất lâm nghiệp được giao trong thời gian chưa tự túc được lương thực theo Điều 6 Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT.

- Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số cơ chế chính sách bảo vệ và phát triển rừng, quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách đầu tư trồng rừng phòng hộ, đặc dụng là 30 triệu/ha. Về điều kiện để được hỗ trợ theo Chính sách này phải đảm bảo theo quy định tại Khoản 7 Điều 5 Quyết định này, cụ thể: Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng phải có đất quy hoạch trồng rừng sản xuất được cấp có thẩm quyền giao hoặc được thuê và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã sử dụng đất ổn định trong vòng 3 năm trở lên không có tranh chấp. Nguồn giống trồng rừng (hạt giống, trái giống hoặc cây giống) phải có xuất xứ từ cơ sở sản xuất giống đã được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận về nguồn giống theo quy định.

Thủ tục để được hỗ trợ, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BKHĐT ngày 14/5/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 5203/UBND-NNMT ngày 27/6/2018 triển khai, hướng dẫn các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh thực hiện.

- Triển khai thực hiện Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18/3/2019, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập trung xây dựng Đề án phát triển rừng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến. Đề án này xác định các cơ chế và chính sách hỗ trợ người dân phát triển rừng trồng, liên kết hợp tác với doanh nghiệp để đầu tư trồng nguyên liệu phục vụ chế biến đảm bảo ổn định lâu dài và hiệu quả bền vững. Ngoài ra, theo đề nghị của UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình và Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý xây dựng 01 dự án ODA (Ngân hàng thế giới tài trợ) hỗ trợ phát triển rừng Tây Nguyên, dự án này sẽ là nguồn hỗ trợ đáng kể về vốn và kỹ thuật cho công tác trồng rừng.

2. Ý kiến chất vấn của đại biểu Nguyễn Thiên Văn - đại biểu huyện Ea Súp:

Hiện nay trên địa bàn huyện Ea Súp, cử tri rất quan tâm đến tiến độ và nguồn lực để triển khai Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020. Cử tri lo lắng trong thời gian tới các chính sách như: Hỗ trợ đất ở, hỗ trợ đất sản xuất, hỗ trợ tín dụng để chuyển đổi nghề... có tiếp tục được thực hiện hay không? Trách nhiệm của cơ quan đối với việc tham mưu theo dõi, tổng hợp, đề xuất thực hiện chính sách này trên địa bàn tỉnh như thế nào?

Ngày 25/9/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2652/QĐ-UBND phê duyệt Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng Dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tổng nhu cầu vốn để thực hiện Đề án từ ngân sách Trung ương hỗ trợ là **1.062.099 triệu đồng** (trong đó vốn hỗ trợ trực tiếp là 274.864 triệu đồng; vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội là 787.235 triệu đồng).

Tuy nhiên, qua 03 năm triển khai thực hiện, đến năm 2019, nguồn lực từ Ngân sách Trung ương chỉ mới bố trí một phần rất nhỏ kinh phí cho tỉnh để triển khai Đề án (*2.450 triệu đồng/ 274.864 triệu đồng, đáp ứng được 0,89% nhu cầu vốn của Đề án*). Hiện tỉnh đang thí điểm hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán tại 05 huyện là các huyện nghèo (*Lắk, Buôn Đôn, Ea Súp, Krông Bông*) và huyện có nhu cầu vốn lớn (*Krông Pắc*). Trong đó, trên địa bàn huyện Ea Súp, số hộ được hỗ trợ là 320 hộ với tổng vốn đầu tư là 480.000.000 đồng; dự kiến hoàn thành 100% kế hoạch vốn năm 2019.

Theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Đề án còn được thực hiện đến hết năm 2020. UBND tỉnh đã có nhiều văn bản kiến nghị, đề xuất Chính phủ bố trí nguồn lực cho tỉnh để triển khai thực hiện Đề án, hướng tới mục tiêu là tập trung giải quyết những vấn đề khó khăn, bức xúc nhất về đời sống, sản xuất; từng bước cải thiện và nâng cao điều kiện sống cho hộ dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo trung vùng DTTS trên toàn tỉnh. Do đó, khi được Ngân sách Trung ương bố trí nguồn vốn, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Đề án theo đúng quy định.

3. Ý kiến chất vấn của đại biểu Bùi Văn Bang - đại biểu huyện Ea Súp:

Hàng năm, UBND tỉnh bố trí một khoản kinh phí không nhỏ để nghiên cứu đề tài khoa học phục vụ sản xuất, đời sống của người dân. Kính đề nghị cho biết mỗi năm Sở Khoa học và Công nghệ đã nghiệm thu bao nhiêu đề tài và đã đưa vào ứng dụng trong sản xuất và đời sống là bao nhiêu đề tài? Hiệu quả như thế nào?

Trả lời:

Kinh phí hàng năm bố trí dành cho việc nghiên cứu từ 09-10 tỷ/năm. Đây là lượng kinh phí rất khiêm tốn, theo Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách cho hoạt động khoa học và công nghệ. Mỗi năm, Sở Khoa học và Công nghệ nghiệm thu 10 - 14 đề tài cấp tỉnh, các đề tài nghiệm thu nằm trong 7 Chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm của tỉnh giai đoạn (2016 - 2020) thực hiện theo Nghị quyết số 175/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015.

Theo kết quả sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 175/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015, số kết quả đề tài được ứng dụng vào đời sống sản xuất trên địa bàn tỉnh đạt trên 75% tỷ lệ các đề tài trực tiếp vào sản xuất của doanh nghiệp và người dân, còn lại 25% đề tài thuộc lĩnh vực xã hội nhân văn hỗ trợ cho các ngành tham mưu xây dựng các chính sách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (Năm 2018 nghiệm thu 14 đề tài, trong đó có 11/14 đề tài sau khi nghiên cứu được các địa phương ứng dụng trực tiếp trong phát triển sản xuất, đời sống và đã đem lại hiệu quả thiết thực cho địa phương, 03 đề tài hỗ trợ các cơ quan xây dựng các chính sách trong phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương).

Sau kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh khóa IX, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức Hội nghị đánh giá 04 năm thực hiện Nghị quyết số 175/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của HĐND tỉnh về phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 và đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động KHCN trên địa bàn tỉnh. Kết quả nhiệm vụ này được sử dụng làm cơ sở tham khảo xây dựng Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030; tổ chức rà soát, thực hiện xây dựng kế hoạch thực hiện cho năm 2020 trên cơ sở 7 Chương trình KHCN trọng điểm xác định các nhiệm vụ theo hướng ưu tiên trọng điểm, hiệu quả; thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ KHCN xuất phát từ nhu cầu thực tế của cơ sở, người dân, doanh nghiệp và giải quyết những vấn đề cấp bách của địa phương; gắn kết Viện, Trường, các cơ quan nghiên cứu, ứng dụng KHCN với doanh nghiệp, người dân để đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào phục vụ sản xuất và đời sống góp phần phát triển kinh tế - xã hội...

4. Ý kiến chất vấn của Tổ đại biểu số 7 (Thị xã Buôn Hồ):

Vấn đề khó khăn hiện nay trên địa bàn tỉnh nói chung và thị xã Buôn Hồ nói riêng khi thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 25/6/2019, trong đó quy định tại Điều 14a “Người hoạt động thôn, tổ dân phố không quá 03 người, Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận”. Ngày 19/01/2018, UBND tỉnh có Công văn số 541 về việc sáp nhập, điều chỉnh, thành lập, đổi tên, thôn, buôn, tổ dân phố và có nhiều văn bản của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk. Trên cơ sở đó, UBND thị xã Buôn Hồ đã xây dựng phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố thuộc thị xã Buôn Hồ, số 03, ngày 17/8/2018 đã trình Sở Nội vụ và UBND tỉnh Đắk Lắk năm 2018 (theo phương án thị xã Buôn Hồ có 149 thôn, buôn, tổ dân phố, sau khi sắp xếp, sáp nhập còn 103, giảm được 46 thôn, buôn, tổ dân phố). Nhưng đến nay vẫn chưa được phê duyệt. Thực hiện Chỉ thị số 35 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc

lần thứ XIII của Đảng quy định thì cấp Chi bộ Đại hội trong quý I/2020, như vậy rất khó khăn cho việc sắp xếp, bố trí cán bộ không chuyên trách đội ngũ Bí thư, Phó Bí thư các Chi bộ dôi dư (khi Đại hội xong mới sáp nhập). Đề nghị trả lời rõ vấn đề này, và cho biết thời gian nào mới phê duyệt thông qua đề án trên? Để địa phương biết thực hiện theo đúng quy định.

Trả lời:

Thực hiện Quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, sáp nhập thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2019 - 2021, Sở Nội vụ đã có Công văn số 1776/SNV-XDCQ ngày 25/10/2019 hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Đề án sáp nhập thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh. Đề nghị UBND thị xã Buôn Hồ có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND cấp xã xây dựng Đề án chi tiết sáp nhập thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn thị xã theo quy định và “*Chỉ đạo UBND cấp xã báo cáo Đảng ủy cấp xã, chỉ đạo các thôn, buôn, tổ dân phố sau khi sáp nhập thì giải thể các Chi bộ thôn, buôn, tổ dân phố cũ để thành lập Chi bộ thôn, buôn, tổ dân phố mới và tiến hành Đại hội lần thứ nhất. Thực hiện việc bầu Trưởng thôn, buôn, tổ dân phố trước khi giới thiệu nhân sự bầu Bí thư Chi bộ thôn, buôn, tổ dân phố theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 292/UBND-TH ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh về việc triển khai Thông báo số 3337-TB/TU ngày 30/9/2019 của Tỉnh ủy về công tác cán bộ; Công văn số 10533/UBND-TH ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 79-KH/TU ngày 30/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*”.

Trên đây là tổng hợp kết quả giải quyết nội dung chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 8 được cập nhật đến thời điểm tháng 10/2019, các nội dung cụ thể khác đã được lãnh đạo các sở, ban, ngành trả lời trực tiếp tại cuộc họp và cơ bản được đại biểu HĐND tỉnh thống nhất. Những vấn đề chưa rõ, các đại biểu có thể tiếp tục chất vấn, UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành sẽ trả lời trực tiếp hoặc trả lời bằng văn bản tại Kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh khóa IX.//

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh; (báo cáo)
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- HU, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TX, TP;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, đơn vị thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (T_205b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà